**Tên bài học: Bài 100. oi, ây**

**Tiết 229 + 230**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết các vần **oi, ây**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oi, ây**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oi**, vần **ây**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Sói và dê**..

- Viết đúng các vần **oi, ây**, các tiếng (con) **voi**, **cây** (dừa) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Giáo viên:

- Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

b. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt; bút chì, đồ dùng học tập; bảng con, phấn; bảng cài, bộ.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**- Ổn định **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15 phút)**- Giới thiệu bài: vần **oi,** vần **ây.****Hoạt động 1: *Dạy vần oi*** . - GV viết bảng: **o, i**. / HS: **o - i - oi.**- HS nói: voi. / Tiếng **voi** có vần **oi**. / Phân tích vần **oi**, tiếng **voi**. / Đánh vần, đọc trơn: vờ - oi - voi / voi.- GV chỉ mô hình vần **oi**, tiếng **voi**, cả lớp: o - i - oi/ vờ - oi - voi / con voi. **Hoạt động 2: Dạy vần ây** (như vần **oi**): Đánh vần, đọc trơn: â - y - ây / cờ - ây - cây/ cây dừa. *\* Củng cố*: HS nói lại các vần, tiếng vừa học; đọc trơn các vần, từ khoá. **3. Vận dụng thực hành (15 phút)****Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oi**? Tiếng nào có vần **ây**?) - GV chỉ từng từ ngữ dưới hình, 1 HS đọc, cả lớp đọc: **+ Nhà ngói****+ Chó sói****+ Cấy lúa****+ Đám mây****+ Cái còi****+ Nhảy dây** - HS tìm tiếng có vần **oi**, vần **ây** (làm bài trong VBT). / HS báo cáo kết quả. - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **ngói** có vần **oi**,... Tiếng **cấy** có vần **ây**,...**Hoạt động 2: *Tập viết*** (bảng con - BT 4) a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học trên bảng lớp. b) Viết vần**: oi, ây**- 1 HS đọc vần oi, nói cách viết.- GV vừa viết vần **oi** vừa hướng dẫn: viết **o** trước, viết **i** sau; độ cao các con chữ là 1 li, chú ý nét nối giữa **o** và **i**. / Thực hiện tương tự với vần **ây**.- HS viết bảng con: **oi, ây** (2 lần). c) Viết tiếng: (con) **voi, cây** (dừa)- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: viết **v** trước, vần **oi** sau; độ cao của các con chữ là 1 li. / Thực hiện tương tự với tiếng **cây**.- HS viết: (con) **voi, cây** (dừa) (2 lần). | - HS hát- HS lắng nghe- HS theo dõi- HS trả lời- HS đọc- HS thực hiện- HS lắng nghe và theo dõi- HS đọc- HS thực hiện- HS thực hiện- Cả lớp đọc- HS đọc- HS theo dõi, lắng nghe- HS viết |
| **Tiết 2** |
| **Hoạt động 3: Tập đọc** **(BT 3) (32 phút)**a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Sói và dê; giới thiệu hình ảnh dê con, hình ảnh sói bị người đuổi đánh. Các em hãy nghe để hiểu nội dung câu chuyện.b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: **nện** (đánh thật mạnh, thật đau).c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **gặm cỏ, thấy sói, ngay trước mặt, bình tĩnh nói, ngon miệng, lấy hết sức, vác gậy chạy lại, nện, nên thân**.d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có 7 câu. - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: *Dê con bèn... “Be... be*...”.- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). e) Thi đọc đoạn, bài (quy trình đã hướng dẫn). Chia bài làm 2 đoạn: 3 / 4 câu. g) Tìm hiểu bài đọc - GV: Các ý 1, 2 của truyện đã được đánh số. Cần đánh tiếp số thứ tự các ý 3, 4.- 1 HS giỏi nói nội dung tranh 1 và 2: (1) Sói sắp ăn thịt dê con. (2) Dê con nói muốn hát tặng sói một bài để sói ngon miệng.- HS làm bài trong VBT hoặc làm miệng. - 1 HS nói kết quả: Số thứ tự đúng của các tranh là 1 – 2 – 4 – 3.- 1 HS nói nội dung tranh 3, 4: (3) “*Dê con hét “be... be*...” thật to. (4) Ông chủ nghe thấy chạy tới nện sói một trận nên thân. - (YC cao) 1 HS giỏi (hoặc cả lớp) nói nội dung 4 tranh tranh 3 nói trước tranh 4:(1) Sói sắp ăn thịt dê con. (2) Dê con nói muốn hát tặng sói một bài để sói ngon miệng. (3) Dê con hét “be... be...” thật to.(4) Ông chủ nghe thấy chạy tới nện sói một trận nên thân. **4.Củng cố và nối tiếp (3 phút)**- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **oi** (VD: giỏi, mỏi, củ tỏi...); có vần **ây** (VD: vây cá, cục tẩy, đấy...) hoặc HS đặt câu với tiếng có vần **oi/ây**.- GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe, xem trước bài 101 (*ôi, ơi*). | - HS lắng nghe- HS theo dõi, lắng nghe- HS đọc- HS đọc- HS đọc nối tiếp- HS thi đọc- HS theo dõi- HS thực hiện- HS làm vào VBT- HS thực hiện- HS tìm và nêu miệng- HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**